TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/DS-PT
Ngày: 13 - 5 - 2019
Về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng, đòi tài sản, bồi thường thiệt hại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 89/2019/TLPT-DS ngày 04/4/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng, đòi tài sản, bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 188/2018/DS-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2019/QĐPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1979.

Cư trú: Ấp LĐ, xã LĐA, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1991; Cư trú: Ấp KT1, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 17/07/2017, (bà T vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1981;

2.2. Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1981;

2.3. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1956;

2.4. Bà Nguyễn Thị Mai Th, sinh năm 1982;

2.5. Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, sinh năm 1983;

Cùng cư trú: Số 206/261 ấp MQ, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn ông Đ, ông L1, bà H, bà Th là: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, sinh năm 1983; cư trú: Ấp MQ, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 10/4/2019, (bà Y có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn là: Luật sư Phương Ngọc D, chi nhánh Văn phòng Luật sư VL tại Tây Nguyên thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, địa chỉ liên hệ: Số 278, đường TĐT, tổ 4, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông, (Luật sư D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L và người đại diện theo ủy quyền của ông là bà Trần Thị Kim T trình bày:

Ngày 02/01/2017 ông L thỏa thuận với ông Đ xây dựng 02 căn nhà cho hai anh em là ông Đ và bà Y, cụ thể:

- 01 căn nhà của ông Nguyễn Hữu Đ và vợ là bà Nguyễn Thị Mai Th với giá 52.304.000 đồng.

- 01 căn nhà của bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y cùng chồng là ông Nguyễn Thành L1 với giá 35.865.600 đồng.

Cách thức thanh toán: Chia làm 04 giai đoạn ứng tiền để thanh toán cho thợ, mỗi lần ứng 30% cho 03 lần đầu và 10% còn lại sau khi hoàn thành công trình đã thỏa thuận.

Ngày 16/04/2017 ông L có ứng tiền để trả cho thợ 43.000.000 đồng.

Công trình thi công được 80% (bột chét xong, mặt tiền sân và mặt sau đã xây gạch, bên hong đã được tô xi măng) trong khi đó số tiền công còn phân nữa.

Ngày 02/5/2017 công trình phải tạm ngưng do chủ nhà hứa hẹn nhiều lần mà không cho ông L ứng tiền và ông không lo nổi tiền để trả cho thợ.

Thỏa thuận xây 02 căn nhà 88.000.000 đồng, có thỏa thuận thêm với bà H làm sân 12.000.000 đồng (đã làm xong). Việc thỏa thuận với ông Đ, ứng trước 43.000.000 đồng, xây được 80% của 02 căn nhà, xây nhà của ông Đ 700.000đ/m^2, bà Y 600.000đ/m^2. Căn cứ vào những người làm chung nên biết xây dựng 80% căn nhà.

Hiện nay gia đình bà H đang giữ tài sản là các dụng cụ dùng để phục vụ cho việc xây dựng của ông L không trả đã gây thiệt hại cho ông.

Thiết bị đồ nghề gồm: 01 máy trộn hồ, 01 môtơ, 20 chục cây chống tăng, 30m dây điện, 02 xe rùa đẩy hồ, 06 cây thép hộp 5x10, 07 cây thép hộp 3x6, 15

tấm dán ép mặt 3 tấc dài 4m, 45 tấm ván ép mặt 3 tấc dài 4m, 01 bàn cắt gạch; 13 bộ giàn giáo loại 26 chân.

Các dụng cụ khác như thùng bê, len đào đất, len trộn hồ, xà ben, nò bẻ sắt, ván ép cột ông không yêu cầu giải quyết vì không có hóa đơn chứng từ cung cấp cho Tòa án.

Nay yêu cầu ông Đ, bà Th, bà Y, ông L1 và bà H liên đới trả cho ông L số tiền công còn nợ 55.000.000 đồng, tiền giá trị thiết bị đồ nghề thợ hồ mà ông Đ, bà Th, bà Y, ông L1 bà H thu giữ của ông L trị giá 31.990.000 đồng và bồi thường tiền công lao động 250.000đ/ngày đến khi xét xử.

Tiền công lao động do không có đồ nghề nên không lãnh làm được. Mỗi ngày tiền công lao động là 250.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành L1 và bà Lê Thị Thu H trình bày:

Ngày 21/01/2017 âm lịch, ông L và bà H có thỏa thuận miệng xây dựng 02 căn nhà của bà H (chứ không phải nhà của ông Đ và bà Y), thời gian 02 tháng sẽ xong nhưng qua 3 tháng 10 ngày căn nhà chưa xong chỉ hoàn thành 30% căn nhà và không bàn giao nhà. Xây dựng nhà hư hao vật tư, sai bản vẽ, lợp tol bắn vít bị lủng làm dột, thợ thì tự ý bỏ việc, thợ bị đứt chân có điện cho ông L xuống nhưng ông L không xuống nên gia đình có chở đi cấp cứu và cho tiền họ. Ông L có hứa sẽ bồi thường nhưng ông không đền bù.

Ông L tự ý ngưng xây dựng nhà, bà H có mời ông L đến để nói chuyện nhưng ông L không đến. Số tiền 55.000.000 đồng theo yêu cầu của ông L thì gia đình không biết vì số tiền này ông L tự tính không có cơ sở.

Đồ nghề của ông L, có mời ông L đến lấy đồ nghề về nhưng ông L không xuống, bà H thuê người tháo dỡ đem xuống, còn để ở nhà và có trình với ban ấp, ông L không xuống lấy. Trị giá đồ nghề và đồ nghề gồm những gì tôi không biết nên không đồng ý với yêu cầu của ông L.

Tiền công lao động ông L yêu cầu bồi thường mỗi ngày 250.000 đồng tôi không đồng ý.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Th, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Mai Th trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 188/2018/DS-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L.

Buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân L tiền giá trị tài sản là 38.838.000 (ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi tám nghìn) đồng và bồi thường thiệt hại do bị mất thu nhập là 144.000.000

(một trăm bốn mươi bốn triệu) đồng. Tổng cộng 182.838.000 (một trăm tám mươi hai triệu tám trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L đối với yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Mai Th, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, ông Nguyễn Thành L1, bà Lê Thị Thu H liên đới trả cho ông số tiền công xây nhà còn nợ 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y được sở hữu các tài sản đang tạm giữ của ông Nguyễn Xuân L gồm: 01 máy trộn hồ hiệu Vifuco; 01 môtơ chạy máy trộn; 20 mươi cây chống tăng; 30m dây điện loại dây Cadivi; 02 xe rùa đẩy hồ loại kẽm; 06 cây thép hộp 5 x 10, loại 1,4 ly kẽm; 07 cây thép hộp 3 x 6, loại kẽm 1,4 ly; 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m; 45 tấm ván ép đỏ mặt 2 tấc dài 4m; 01 bàn cắt gạch; 13 bộ giàn giáo loại 26 chân.

Về chi phí định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y và bà Lê Thị Thu H liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân L 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y phải chịu 4.570.950 (bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn chín trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Xuân L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.587.000 đồng (ba triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019233 ngày 23/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 01 năm 2019 bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do bà chỉ được mời tham dự một lần hòa giải tại Tòa án, sau đó không nhận được bất cứ văn bản nào của Tòa án huyện CM liên quan đến vụ kiện cho đến khi nhận được bản án, việc làm trên đã vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích của gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Y phát biểu quan điểm:

Tại biên bản định giá tài sản ngày 22/8/2018 thể hiện các tài sản của nguyên đơn chỉ có giá trị là 31.838.000đồng, nhưng phần quyết định của bản án lại tuyên buộc bà H, bà Y phải trả cho nguyên đơn 38.838.000đồng là không chính xác. Việc định giá chưa khách quan chỉ dựa trên lời khai của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm nhận định bị đơn có hành vi cản trở việc tiến hành định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là không đúng.

Về danh mục đồ nghề có mâu thuẫn giữa lời khai của nguyên đơn, bị đơn nhưng không được cấp sơ thẩm đối chất. Bị đơn không chiếm giữ tài sản của nguyên đơn mà chỉ cất giữ, bị đơn có thiện chí mời nguyên đơn đến nhận tài sản nhưng nguyên đơn không đến, bị đơn chỉ muốn giữ tài sản của nguyên đơn để giải

quyết sự việc. Nếu bị đơn giữ tài sản của nguyên đơn thì nguyên đơn vẫn có thể đi nơi khác tìm việc làm, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Hồ sơ thể hiện khi phát sinh tranh chấp phía bị đơn đã tạm giữ các thiết bị đồ nghề của phía nguyên đơn và buộc nguyên đơn đưa 10.000.000đồng mới trả lại, việc tạm giữ các thiết bị đồ nghề thợ hồ để ngoài trời là thiệt hại đến giá trị tài sản. Cấp sơ thẩm buộc hoàn giá trị có khấu hao phần trăm là có căn cứ, nhưng số liệu chưa chính xác, cần điều chỉnh lại số tiền 31.838.000đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn 250.000đồng/ngày do các thiết bị đồ nghề do phía bị đơn tạm giữ không thể lao động được, so với thực tế trên địa bàn một thợ hồ lao động một ngày là phù hợp với quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Bà Y kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y, sửa Bản án sơ thẩm về cách tuyên án, buộc bà H, bà Y phải trả cho ông L 31.838.000đồng và bồi thường thiệt hại 144.00.000đồng, bà Y phải chịu án phí sơ thẩm là 4.396.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử, cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết Bản án cho bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y ngày 10/01/2019, bà Y kháng cáo ngày 14/01/2019 và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ông Nguyễn Xuân L ủy quyền cho bà Trần Thị Kim T tham gia tố tụng, bà T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông L.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y:

Tháng 01/2017, ông L có hợp đồng xây dựng hai căn nhà của ông Đ, bà Th và ông L1, bà Y. Theo lời trình bày của ông L thì do các bị đơn không cho ông tạm ứng thêm tiền để thanh toán tiền công cho thợ nên công trình phải ngưng và phía các bị đơn có giữ nhiều dụng cụ dùng để xây dựng nhà gây thiệt hại, nên ông L yêu cầu các bị đơn phải bồi thường thiệt hại giá trị các dụng cụ xây dựng và bồi thường thiệt hại ngày công lao động.

Còn phía bị đơn cho rằng quá trình xây dựng nhà thì ông L thi công không đúng thời gian, không đúng bản vẽ, làm hư hao vật tư, thợ tự ý bỏ việc…, phía các bị đơn có tháo dỡ đồ nghề của ông L xuống, có mời ông L đến để thỏa thuận và mang đồ nghề về nhưng ông L không đến. Cấp sơ thẩm buộc bà Y, bà H bồi thường cho ông L 182.838.000đồng, bà Y không đồng ý kháng cáo cho rằng bà chỉ được mời tham dự một lần hòa giải tại Tòa án, sau đó không nhận được bất cứ văn bản nào của Tòa án nhân dân huyện CM liên quan đến vụ kiện cho đến khi nhận được bản án, việc làm trên đã vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích của gia đình bà, yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Xét thấy: Qua xem xét hồ sơ vụ án thì tất cả các văn bản tố tụng tại cấp sơ thẩm đều được tống đạt hợp lệ cho các bị đơn trong đó có bà Y, tuy nhiên do các bị đơn từ chối nhận hoặc không cơ ở nơi cư trú nên cấp sơ thẩm đã tiến hành lập biên bản sự việc và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho các bị đơn theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Y cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích của gia đình bà là không có cơ sở, vì chính các bị đơn đã tự từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

Xét tranh chấp giữa các bên: Giữa nguyên đơn với các bị đơn có hợp đồng miệng để xây dựng hai căn nhà tại ấp MQ, thị trấn ML, huyện CM, nếu trong quá trình thi công nguyên đơn có vi phạm hợp đồng thì bị đơn phải yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các bên, bên nào có lỗi thì phải bồi thường, tuy nhiên phía bị đơn lại có hành vi chiếm giữ tài sản của nguyên đơn, làm cho nguyên đơn không có dụng cụ để lao động là gây thiệt hại cho phía nguyên đơn.

Bà Y thừa nhận có giữ tài sản của nguyên đơn, nhưng cho rằng có trình báo với Ban nhân dân ấp MQ, nhiều lần mời nguyên đơn đến nhận tài sản nhưng nguyên đơn không đến, chứ không chiếm giữ tài sản của nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào tờ tường trình ngày 08/3/2018 của bà H (BL37, BL38) thì chính ông L là người nhờ Ban nhân dân ấp MQ đến gặp bà H trao đổi xin lại đồ nghề, nhưng bà H lại yêu cầu ông L phải đưa 10.000.000đồng mới đồng ý cho nhận, chứng tỏ bà H cố ý chiếm giữ tài sản của ông L nếu đưa tiền thì mới trả. cũng trong biên bản hòa giải ngày 01/8/2017 tại Ban nhân dân ấp MQ (BL 03 - 06) bà Y cũng thừa nhận có giữ tài sản của ông L, nhưng không biết số lượng là bao nhiêu, yêu cầu ông L đem 10.000.000đồng đến bồi thường thì đem đồ về. Do đó, lời khai nại của bà Y nêu trên là không có cơ sở, có căn cứ để xác định bà H, bà Y cố ý chiếm giữ tài sản của ông L. Không đủ căn cứ xác định các ông bà Đức, Lấy, Thảo có chiếm giữ tài sản của ông L.

Khi cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì các bị đơn đã có hành vi không hợp tác, gây khó khăn cho Tòa án và Hội đồng định giá tài sản, cho nên các bị đơn đã tự tước bỏ quyền lợi của mình được pháp

luật bảo vệ. Do lỗi của các bị đơn nên không định giá được tài sản của ông L mà bà H, bà Y đang chiếm giữ nên Tòa án đã thông báo cho các đương sự về thời gian, địa điểm thay đổi việc định giá nhưng các bị đơn cũng không tham gia.

Căn cứ vào xác nhận ngày 20/7/2018 của Công ty TNHHMTV PNT (BL 102A) và xác nhận của Công ty TNHHMTV Xây dựng NG (BL 131) thì ông L có mua các thiết bị xây dựng như liệt kê là có cơ sở. Tại Biên bản định giá ngày 22/8/2018 xác định giá trị của các thiết bị đồ nghề thi công xây dựng có khấu hao phần trăm giá trị sử dụng là phù hợp. Vì vậy, cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H, bà Y phải trả cho ông L giá trị tài sản đang chiếm giữ là có căn cứ. Tuy nhiên, tại biên bản định giá thể hiện trị giá tài sản của ông L chỉ có 31.838.000đồng, nhưng cấp sơ thẩm lại buộc bà H, bà Y bồi thường cho ông L 38.838.000đồng là chưa chính xác, do vậy Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp, buộc bà H, bà Y bồi thường cho ông L 31.838.000đồng.

[4] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông L: Do bà H, bà Y chiếm giữ các tài sản của ông L, làm cho ông L không có thiết bị đồ nghề để thi công xây dựng công trình khác đã gây thiệt hại cho ông L, vì vậy cấp sơ thẩm buộc bà H, bà Y phải bồi thường cho ông L tiền mất thu nhập thực tế từ ngày 02/5/2017 đến 29/11/2018, mỗi ngày 250.000.000đồng x 576 ngày = 144.000.000đồng là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bà Y và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Y, chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí cho bà H, buộc bà Y phải chịu án phí là 4.936.000đồng.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Y không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0012471 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 188/2018/DS-ST, ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CM về cách tuyên án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L.

Buộc bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y liên đới trả cho ông Nguyễn Xuân L tiền giá trị tài sản là 31.838.000đồng (Ba mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn đồng) và bồi thường thiệt hại do bị mất thu nhập là 144.000.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Tổng cộng 175.838.000đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn đồng).

[2] Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L đối với yêu cầu ông Nguyễn Hữu Đ, bà Nguyễn Thị Mai Th, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y, ông Nguyễn Thành L1, bà Lê Thị Thu H liên đới trả cho ông số tiền công xây nhà còn nợ 55.000.000đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

[3] Bà Lê Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y được sở hữu các tài sản đang tạm giữ của ông Nguyễn Xuân L gồm: 01 máy trộn hồ hiệu Vifuco; 01 môtơ chạy máy trộn; 20 mươi cây chống tăng; 30m dây điện loại dây Cadivi; 02 xe rùa đẩy hồ loại kẽm; 06 cây thép hộp 5 x 10, loại 1,4 ly kẽm; 07 cây thép hộp 3 x 6, loại kẽm 1,4 ly; 15 tấm ván ép đỏ mặt 3 tấc dài 4m; 45 tấm ván ép đỏ mặt 2 tấc dài 4m; 01 bàn cắt gạch; 13 bộ giàn giáo loại 26 chân.

[4] Về chi phí định giá tài sản:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi Y và bà Lê Thị Thu H liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân L 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí sơ thẩm:

- Miễn án phí sơ thẩm cho bà H, buộc bà Y phải chịu án phí sơ thẩm là 4.936.000đồng (Bốn triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Xuân L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.587.000 đồng (Ba triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019233 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Bà Y được nhận lại 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0012471 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND - AG;
- TAND – huyện CM;
- THA – huyện CM;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng